

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Sơ
- Ông Nguyễn Đức Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

NgU đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn anh Hoàng Văn B trình bày như sau:

Anh và chị Lò Thị D kết hôn từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào ngày 20/10/2009 và được hai bên gia đình đồng ý nhưng mới tổ chức ăn hỏi, chưa tổ chức cưới chính theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do chị D đi làm xa, thời gian dài dẫn đến tính cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt. Hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên đã sống ly thân từ Tết năm 2022 đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, cuộc sống chung không thể thực hiện được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012. Anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị đã tự thỏa thuận xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B giữ ngU yêu cầu xin ly hôn với chị Lò Thị D và nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, không đề nghị Tòa án xem xét về tài sản, nợ chung.

Tại đơn đề nghị của bị đơn gửi Tòa án, chị chị Lò Thị D có ý kiến như sau:

Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Sai, huyện Sông Mã vào ngày 20/10/2009, được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng có xảy ra cãi vã. Sau đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt, đến năm 2022 thì trầm trọng hơn. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị thường xU làm ăn xa nhà. Trong thời gian này, anh B cũng không quan tâm đến chị nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012. Trong thời gian ly thân, hai cháu đều ở với anh B. Hiện nay chị đang đi làm xa, chưa có nhà ở ổn định, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con định kỳ nên đề nghị để con chung tiếp tục ở cùng với bố.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, ngU nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của anh B và chị D. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do các đương sự không thỏa thuận được nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng

dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với ngU đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay ngU đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. TU xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị D. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: NgU đơn được miễn án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Lò Thị D có địa chỉ tại: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, tuy nhiên các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị D.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ngU đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, anh chị đã được UBND xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2009. Khi kết hôn hai

bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều cho rằng ngU nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm xa, vợ chồng thường xU xa nhau nên tình cảm gia đình rạn nứt. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 08/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Qua xác minh xác minh tại ban quản lý bản N, xã C, huyện Mai Sơn được biết: Chị D và anh B cư trú tại bản N, xã C. Trong thời gian hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do chị D đi làm xa, vợ chồng không hòa hợp. Hiện chị D và anh B đã sống ly thân được một thời gian đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh B đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn B, xử cho anh B được ly hôn với chị Lò Thị D.

[2.2] *Về con chung*: Chị D và anh B có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, hai con chung do anh B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh B cam kết đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh B đã thống nhất với nhau về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tại biên bản xác minh tại Ban quản lý bản N thể hiện, từ thời điểm ly thân đến nay, hai con chung do anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh B. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị D và anh B và các con chung trên 07 tuổi, giao cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận anh B không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3] *Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*: Anh B và chị D thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận phân chia xong về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] *Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân*: Anh B và chị D thống nhất xác nhận trong thời kỳ hôn nhân không có nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Anh Hoàng Văn B được miễn án phí xin ly hôn do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị D.
2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc U, sinh ngày 17/8/2010 và cháu Hoàng Đức G, sinh ngày 21/9/2012 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Ghi nhận anh B chưa yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.
- Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
3. Về tài sản chung vợ chồng: Anh B và chị D xác nhận đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Do đó, Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.
4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.
5. Về án phí: Anh Hoàng Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.
6. Về quyền kháng cáo: NgU đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Mường Sai, huyện Sông Mã;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh

